



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

## Implementation of Regulations on Biodiversity in Vietnamese Environmental Law

Tran Linh Huan\*, Vo Trung Tin

*Ho Chi Minh City University of Law*

*02 Nguyen Tat Thanh, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City*

Received 2 June 2023

Revised 10 August 2023; Accepted 15 December 2023

**Abstract:** This article analyzes the biodiversity-related provisions in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) and the European-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA). In addition, the author examines Vietnam's biodiversity-related regulations for the purpose of internalizing these two Agreements. The authors also point out several challenges of Vietnam in implementing commitments and offer solutions for improving the effectiveness of implementing these commitments.

**Keywords:** Biodiversity, environmental commitment on biodiversity, Vietnam, CPTPP, EVFTA.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [tlhuan@hcmulaw.edu.vn](mailto:tlhuan@hcmulaw.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4562>

# Thực thi các quy định về đa dạng sinh học trong pháp luật môi trường Việt Nam

Trần Linh Huân\*, Võ Trung Tín

*Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh*

*02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 02 tháng 6 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 8 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 12 năm 2023

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích các nội dung về đa dạng sinh học được đề cập trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), và các quy định pháp luật môi trường liên quan đến đa dạng sinh học của Việt Nam nhằm thể chế hai Hiệp định này. Các tác giả cũng luận giải một số thách thức của Việt Nam trong việc thực thi các cam kết, và từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết này.

**Từ khóa:** Đa dạng sinh học, cam kết môi trường về đa dạng sinh học, Việt Nam, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam.

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam được ghi nhận là một trong những nước có đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của thế giới với nhiều kiểu hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật, nguồn gen phong phú và đặc hữu. ĐDSH ở Việt Nam mang lại những lợi ích trực tiếp cho con người và đóng góp to lớn cho nền kinh tế, đặc biệt là trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; là cơ sở đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; duy trì nguồn gen tạo giống vật nuôi, cây trồng; cung cấp vật liệu cho xây dựng và là các nguồn dược liệu, thực phẩm,... Các hệ sinh thái tự nhiên còn có vai trò quan trọng trong điều tiết khí hậu và bảo vệ môi trường. Ngoài ra ĐDSH còn là nguồn cảm hứng văn hoá nghệ thuật và gắn liền với đời sống tinh thần của con người Việt Nam từ hàng ngàn năm qua. Đến nay, trong sinh giới Việt Nam có khoảng 49.200 loài sinh vật đã được xác định

bao gồm: khoảng 7.500 loài/chủng vi sinh vật, khoảng 20.000 loài thực vật trên cạn và dưới nước, khoảng 10.500 loài động vật trên cạn, khoảng 2.000 loài động vật không xương sống và cá ở nước ngọt, có trên 11.000 loài sinh vật biển [1]. Các kết quả nghiên cứu từ trước tới nay cho thấy có hàng trăm loài, giống sinh vật mới cho khoa học ở trên cạn, trong nước ngọt nội địa được tìm thấy và mô tả lần đầu ở nước ta, thể hiện mức độ đặc hữu khá cao của khu hệ sinh vật nội địa Việt Nam. Các nhà khoa học dự báo còn nhiều loài sinh vật hoang dã khác ở Việt Nam chưa được biết tới và số loài sinh vật đã biết như trên còn thấp hơn nhiều so với số loài thực có trong thiên nhiên [1].

Để bảo tồn ĐDSH, Việt Nam chính thức phê chuẩn Công ước 1992 về ĐDSH (CBD) và Công ước 1973 về Buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Từ đó đến nay, Việt Nam đã có những bước tiến lớn trong công

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4562>

cuộc bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH. Cụ thể, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống các cơ quan quản lý, khung chính sách và pháp luật về ĐDSH; hệ thống các khu bảo tồn đã được thành lập; các loài động thực vật nguy cấp quý hiếm được bảo vệ bằng pháp luật và các chương trình hành động; tiếp thu, đẩy mạnh thực hiện các vấn đề mới của bảo tồn ĐDSH như an toàn sinh học, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích có được từ việc sử dụng nguồn gen,... Việt Nam là một trong những quốc gia ban hành khung chính sách và pháp lý về bảo tồn ĐDSH vào loại sớm nhất tại khu vực Đông Nam Á, thể hiện sự cam kết của Chính phủ đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên [2]. Đặc biệt gần đây, Việt Nam đã tham gia đóng góp tích cực vào đàm phán Hiệp định về ĐDSH biển của các khu vực nằm ngoài quyền tài phán quốc gia (còn gọi là Hiệp định BBNJ hoặc Hiệp định về biển cả). Hiệp định này đã được Hội nghị Liên chính phủ của Liên hợp quốc chính thức thông qua bằng đồng thuận vào ngày 19/6/2023 và đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc họp phiên toàn thể thông qua Nghị quyết vào ngày 01/08/2023 tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York với sự ủng hộ của 150/193 quốc gia thành viên. Hiệp định gồm 17 Chương, 76 Điều, 2 Phụ lục với nội dung chính xoay quanh một số vấn đề gồm: Chia sẻ lợi ích nguồn gen biển; thiết lập vùng bảo tồn biển; đánh giá tác động môi trường; xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ; cơ chế ra quyết định của Hội nghị các quốc gia thành viên, thành lập, vận hành các cơ quan, thể chế để thực hiện văn kiện, giải quyết tranh chấp, cơ chế tài chính,...

Mặc dù vậy, ĐDSH ở Việt Nam tiếp tục đứng trước những thách thức suy giảm từ các hoạt động phát triển. Số lượng động vật, thực vật hoang dã trong thiên nhiên bị đe dọa đã gia tăng đáng kể. Diện tích các hệ sinh thái tự nhiên bị thu hẹp, xuống cấp về chất lượng, đặc biệt là các hệ sinh thái đất ngập nước, núi đá vôi, bãi bồi cửa sông ven biển,... làm mất nguồn cung cấp nước ngầm, nơi sinh sản, phát triển, cư trú của các loài sinh vật. Số loài và số cá thể các loài hoang dã giảm mạnh, nhiều loài bị săn bắt, khai thác, buôn bán trái phép nên nguy cơ bị tuyệt chủng cao. Trong thời gian qua, nhiều loài ngoại

lai xâm hại đã xuất hiện và gây ảnh hưởng tới ĐDSH và tổn thất kinh tế [3].

Việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) với những cam kết về ĐDSH có phần cao hơn, cộng thêm với các yếu tố bất cập nội tại về chính sách, quy định pháp luật trong nước đã đặt ra không ít thách thức cho Việt Nam trong việc tuân thủ thực thi đầy đủ hiệu quả các cam kết về ĐDSH. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, xem xét, đánh giá, chỉ ra những thách thức mà Việt Nam gặp phải khi thực thi các cam kết môi trường về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP và từ đó đưa ra một số giải pháp để khắc phục vấn đề này nhằm giúp Việt Nam thực thi hiệu quả hai Hiệp định là điều rất quan trọng và cấp thiết trong quá trình hội nhập thương mại quốc tế hiện nay.

## 2. Quy định về đa dạng sinh học

Cùng với việc thúc đẩy kinh tế thông qua hoạt động thương mại, các quốc gia có xu thế chung trong việc nhận thức tầm quan trọng của hoạt động phát triển kinh tế gắn liền với bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Theo đó, EVFTA và CPTPP thể hiện ý chí của các quốc gia khi tham gia ký kết và nhận thức đầy đủ trách nhiệm về việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trong quá trình thực thi các hoạt động nhằm tăng cường hợp tác chủ yếu về thương mại. Ngoài các cam kết mới được thiết lập, các quốc gia tiếp tục thừa nhận và tôn trọng nghĩa vụ quốc tế của các Bên đã tham gia trong các văn kiện pháp lý quốc tế trước đó về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.

### 2.1. Quy định của Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu - Việt Nam về đa dạng sinh học

Nhìn chung, EVFTA tiếp tục thừa nhận các quy định trong việc đảm bảo bảo tồn và sử dụng ĐDSH theo CBD và CITES. Tuy nhiên, EVFTA thiết lập và bổ sung cam kết quy định về trách nhiệm của các Bên trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH tại Điều 13.7 Chương XIII về

thương mại và phát triển bền vững. Theo đó, để bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, đòi hỏi các bên phải đảm bảo chấp hành các mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc thúc đẩy sự đóng góp của các lĩnh vực liên quan đến thương mại và đầu tư lên các vấn đề môi trường. Mục tiêu của phát triển bền vững sẽ được lồng ghép vào trong các mối quan hệ thương mại song phương của các Bên. Các Bên khẳng định cam kết theo đuổi phát triển bền vững, bao gồm phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường trên cơ sở phụ thuộc lẫn nhau và cùng nhau củng cố, đây là một phần của chiến lược toàn cầu về thương mại và phát triển bền vững trên cơ sở hình thành một hướng hợp tác dựa trên các giá trị và lợi ích chung, có tính đến sự khác biệt về mức độ phát triển của hai Bên. Đặc biệt, các bên phải đảm bảo chấp hành quy định về quyền điều chỉnh và mức độ bảo vệ ĐDSH được ghi nhận tại Điều 13.2. Theo đó, các bên được quyền quyết định mục tiêu, chiến lược, chính sách và ưu tiên phát triển bền vững của mình; thiết lập mức độ bảo hộ trong nước phù hợp đối với lĩnh vực môi trường; thông qua hoặc sửa đổi luật pháp và chính sách liên quan phù hợp với các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận, và những hiệp định nêu tại Điều 13.5 (Các hiệp định môi trường đa phương) mà Bên đó là thành viên. Đồng thời, mỗi Bên sẽ nỗ lực đảm bảo luật pháp và chính sách của mình quy định và khuyến khích mức độ bảo hộ cao đối với các lĩnh vực môi trường và sẽ tiếp tục nỗ lực cải thiện các quy định luật pháp, chính sách đó. Cụ thể:

*Thứ nhất, phù hợp pháp luật quốc gia, nguồn gen thuộc chủ quyền tài nguyên của quốc gia và việc tiếp cận do Chính phủ mỗi Bên quyết định.* Quy định này kế thừa trên cơ sở quyền tiếp cận nguồn gen thuộc về các chính phủ quốc gia và là đối tượng quy định của luật pháp quốc gia. Theo đó, các Bên cam kết tạo điều kiện để tiếp cận nguồn gen trong quốc gia phải trên mục đích đúng đắn và không được áp dụng các hạn chế đi ngược lại với mục tiêu của CBD. Ngược lại, các Bên có quyền hạn chế việc tiếp cận nguồn gen của Bên còn lại nếu nhận thấy những tác động có khả năng làm suy giảm, biến mất nguồn gen.

Về nguyên tắc, một Bên mong muốn tiếp cận nguồn gen của Bên cung cấp thì đòi hỏi phải có

sự đồng ý được thông báo trước của Bên cung cấp. Tuy nhiên, sự đồng ý này không phải là điều kiện bắt buộc nếu trường hợp luật quốc gia có quy định khác. Như vậy, vẫn có khả năng Bên cung cấp nguồn gen cho phép việc tiếp cận của Bên còn lại mà không cần có thông báo đồng ý. Tất nhiên sự ưng thuận của Bên cung cấp nguồn gen là yếu tố tiên quyết để Bên còn lại được tiến hành tiếp cận. Tuy nhiên, trường hợp Bên cung cấp ấn định có thêm thủ tục khác ngoài sự ưng thuận thì Bên mong muốn tiếp cận nhất thiết cũng phải thực hiện nếu tiến hành tiếp cận nguồn gen. Một số quốc gia hiện nay có khả năng tăng cường và siết chặt thủ tục tiếp cận nguồn gen trong quy định pháp luật trong nước nhằm bảo tồn sự đa dạng và sử dụng hiệu quả nguồn gen. Hay nói cách khác, ngoài việc tạo cơ hội cho việc tiếp cận nguồn gen của các Bên thì EVFTA thể hiện sự tôn trọng tuyệt đối quy định của pháp luật quốc gia đối với nguồn tài nguyên này. Mục đích chính của quy định này là tiền đề để các Bên tăng cường được khả năng tiếp cận các nguồn gen mới, đồng thời tạo cơ hội để thực thi các hoạt động nghiên cứu và sử dụng thương mại. Như vậy, vấn đề đặt ra của thỏa thuận này nhằm hai mục tiêu chính là thúc đẩy việc tiếp cận nguồn gen giữa các Bên đồng thời bảo tồn và sử dụng hiệu quả, hợp lý chúng.

*Thứ hai, mỗi Bên có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, phù hợp với pháp luật trong nước.* Các Bên thực hiện khuyến khích hoạt động thương mại hàng hóa mang lại lợi ích cho việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Quá trình tăng cường hoạt động thương mại với điều kiện bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Đồng thời, các Bên thúc đẩy và khuyến khích bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trong đó bao gồm việc tiếp cận nguồn gen. Theo đó, các lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen phải được chia sẻ công bằng và hợp lý. Các kết quả từ việc ứng dụng và triển khai các nghiên cứu khoa học cũng như việc sử dụng thương mại từ nguồn gen tiếp cận được chia sẻ cho các Bên cung cấp. Trên cơ sở đó, lợi ích từ việc tiếp cận nguồn gen có thể bao gồm “lợi ích tiên tệ” và “lợi ích phi tiên tệ” (hay “lợi ích bằng tiền” và “lợi ích không bằng tiền”). Tuy

nhiên, việc chia sẻ lợi ích phải đạt được sự đồng thuận của các Bên trên cơ sở thống nhất ý chí hoặc thông qua điều khoản hợp đồng.

*Thứ ba, cam kết của các Bên trong việc ngăn chặn sự biến mất và giảm áp lực về ĐDSH trong bối cảnh thương mại.* Để thực thi điều này, một Bên có thể trao đổi thông tin với Bên kia về các chiến lược, sáng kiến, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng. Các chính sách được trao đổi nhằm tối ưu hóa tác động và bảo đảm sự tuân thủ của các Bên. Mặt khác, các biện pháp có hiệu quả được thông qua và thực thi, phù hợp với cam kết trong các hiệp ước đã tham gia, các Bên cam kết hướng tới việc giảm thiểu việc buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã. Theo đó, trong các hoạt động thương mại, các Bên có thể thống nhất các biện pháp theo dõi, giám sát quá trình thực hiện nhằm tránh việc buôn bán các loài động vật hoang dã trái phép. Tuy nhiên, đối với các loài động vật được quy định tại Phụ lục I và II của CITES, các bên có thể áp dụng các biện pháp cũng như thủ tục nghiêm ngặt trong quá trình mua bán nhằm không đe dọa sự tồn tại của chúng. Theo quy định này, khi tham gia vào hoạt động thương mại hàng hóa các Bên tăng cường trao đổi thông tin nhằm mục đích ngăn chặn sự biến mất hoặc suy giảm ĐDSH. Thông qua cam kết, các Bên hỗ trợ lẫn nhau để tối ưu hóa các tác động nhằm giảm các áp lực đối với ĐDSH. Trước hết, các Bên cần xây dựng chiến lược, chính sách trong hệ thống pháp luật quốc gia cũng như phê duyệt các kế hoạch và chương trình hành động nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Thông qua đó, ý thức của người dân được nâng cao và nhu cầu sử dụng các mẫu vật cũng như các loài động vật hoang dã, quý hiếm chỉ xuất hiện trong các trường hợp thật sự cần thiết với mục đích phù hợp với pháp luật.

*Thứ tư, các Bên cam kết thúc đẩy hợp tác ở cấp khu vực và toàn cầu nâng cao việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.* Mỗi Bên khi thích hợp có thể đề xuất các loại động, thực vật mới để đưa vào Tiểu phụ lục I và II của CITES. Theo đó, các Bên cần nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài động, thực vật bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng, cũng như nhận thức

được việc buôn bán các mẫu vật có thể dẫn đến nguy cơ làm suy thoái hệ thống sinh thái. Điều này đòi hỏi các Bên phải đẩy mạnh hợp tác trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trong các hệ sinh thái tự nhiên và nông nghiệp, bao gồm các loài có nguy cơ tuyệt chủng và môi trường sống của chúng, đặc biệt là các khu ĐDSH tự nhiên đang được bảo vệ, cũng như đảm bảo việc tiếp cận, chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc tiếp cận sử dụng các nguồn gen. Tuy nhiên, do ranh giới giữa hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nông nghiệp không được xác định rõ ràng, do đó các Bên có trách nhiệm bảo tồn và ngăn chặn các tác động tiêu cực có ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài động, thực vật mà rộng hơn là bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo.

Có thể nhận thấy, các quy định tại Điều 13.7 Chương 13 về thương mại và phát triển bền vững của EVFTA về ĐDSH thể hiện ý chí mong muốn thúc đẩy hợp tác nhằm bảo tồn và cam kết sử dụng có hiệu quả ĐDSH. Trong đó, đối tượng được chú trọng là nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm. Tuy nhiên, đối với nguồn gen thì các Bên thiết lập quy định về việc tiếp cận với mục đích hợp lý không đi ngược lại với các cam kết trước đó. Mặt khác, các Bên tăng cường hợp tác trong việc trao đổi các thông tin về chiến lược, chính sách và chương trình hành động nhằm bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo.

## 2.2. Quy định của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương về đa dạng sinh học

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH cùng vai trò chủ chốt của ĐDSH để phát triển bền vững, các Bên trong CPTPP cam kết thực thi bằng các quy định tại Điều 20.13, 20.14 Chương XX (Thương mại và ĐDSH). Nhận thấy, các Bên trong CPTPP chú trọng mối quan hệ khuyến khích thương mại gắn liền với việc thúc đẩy bảo tồn sử dụng bền vững và ĐDSH.

*Thứ nhất, tầm quan trọng của công chúng đối với việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.* Các Bên nhận thức được tầm quan trọng của đối tượng là người bản địa và cộng đồng địa phương.

Chủ yếu tôn trọng, bảo tồn và duy trì các kiến thức và hoạt động của người bản địa, cũng như lối sống truyền thống góp phần bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Qua đó, các giá trị văn hóa truyền thống trong cuộc sống sinh hoạt và làm việc của người dân địa phương được duy trì với mục đích gắn với bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Mặt khác, các Bên tích cực giáo dục ý thức cho người dân cũng như tuyên truyền vận động để người bản địa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của ĐDSH. Như vậy, có thể thấy các Bên bắt đầu nhìn nhận vấn đề bảo tồn ĐDSH ngay từ những yếu tố nhỏ nhất mà điển hình là trong lối sống, sinh hoạt hằng ngày của người dân bản địa.

Mặt khác, không thể phủ nhận tầm quan trọng sự tham gia đóng góp ý kiến và tham vấn của người dân trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp liên quan đến bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trong pháp luật và chính sách của quốc gia. Người dân địa phương có thể đóng góp ý kiến về việc xây dựng hệ thống cơ sở pháp lý cũng như các hành động nhằm mục tiêu bảo tồn và sử dụng ĐDSH. Qua đó, có thể đề xuất các biện pháp mới mẻ phù hợp với từng hệ sinh thái tương ứng với từng địa phương. Tuy nhiên, các nhóm giải pháp được đề xuất và xem xét phải phù hợp với việc thúc đẩy trao đổi các lợi ích từ việc tiếp cận nguồn gen. Theo đó, phải có những giải pháp để xây dựng hệ thống pháp luật trong nước nhằm thúc đẩy việc cho phép tiếp cận nguồn gen và chia sẻ các lợi ích. Tương ứng trên cơ sở đó, mỗi Bên cam kết công khai hóa các chương trình hành động, bao gồm cả những chương trình hợp tác liên quan đến vấn đề bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.

*Thứ hai, việc hỗ trợ tiếp cận nguồn gen trong các khu vực thuộc quyền tài phán được cam kết cụ thể phù hợp với nghĩa vụ quốc tế của mỗi Bên.* Quốc gia là một bên trong hiệp định có quyền quyết định và đặt ra các quy phạm đối với việc tiếp cận nguồn gen. Theo đó, Bên cung cấp có quyền giám sát quá trình tiếp cận và xét xử đối với các hành vi xâm phạm làm ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn gen phù hợp với các cam kết quốc tế. Tuy nhiên, việc này phải dựa trên sự thuận bất buộc hoặc hợp đồng giữa Bên cung cấp

và Bên tiếp cận. Trên cơ sở đồng ý của Bên cung cấp, một số quốc gia thành viên CPTPP có thể yêu cầu giấy phép khi tiếp cận nguồn gen thông qua các biện pháp quốc gia. Mặt khác, việc tiếp cận được cho phép trên cơ sở các điều khoản hợp đồng. Trong đó, bao gồm việc chia sẻ các lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen giữa Bên tiếp cận và Bên cung cấp. Tương tự EVFTA, các lợi ích từ việc tiếp cận nguồn gen có thể tồn tại với hình thức lợi ích tiền tệ và lợi ích phi tiền tệ. Tuy nhiên, cam kết trong CPTPP đối với tiếp cận nguồn gen dường như không đặt các ngoại lệ trong quy định pháp luật quốc gia lên trên sự đồng ý của Bên cung cấp. Tức là việc tiếp cận nguồn gen gần như là bắt buộc có sự thuận thông qua thông báo đồng ý hoặc điều khoản hợp đồng mà không đề cập đến một ngoại lệ nào khác.

*Thứ ba, các Bên cam kết hợp tác giải quyết các vấn đề cùng quan tâm, trên cơ sở thống nhất với Điều 20.12 (các khuôn khổ hợp tác).* Nhằm thúc đẩy vai trò của quốc gia trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, các Bên trong khuôn khổ hợp tác tiến hành hoạt động trao đổi thông tin. Với mục đích trao đổi các kinh nghiệm cũng như biện pháp thực thi có hiệu quả đối với vấn đề bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, bao gồm các lĩnh vực khác. Các Bên hợp tác trao đổi thông tin và kinh nghiệm bao gồm các lĩnh vực chủ yếu liên quan đến i) bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH; ii) bảo vệ và duy trì hệ sinh thái và các dịch vụ sinh thái; iii) tiếp cận và chia sẻ những lợi ích từ việc sử dụng các nguồn gen. Đối với các lĩnh vực i) và ii) các Bên có thể trao đổi những biện pháp được áp dụng trong việc kiểm soát hoạt động mua bán động, thực vật quý hiếm. Bên cạnh đó là việc áp dụng các biện pháp có hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đối với môi trường sống của các loài động thực vật, duy trì các hệ sinh thái đang được bảo tồn. Đối với việc tiếp cận nguồn gen, các Bên thực hiện trao đổi về giải pháp sử dụng có hiệu quả cũng như cơ chế tiếp cận trên cơ sở hợp lý và phù hợp với quy định pháp luật quốc gia cũng như những nghĩa vụ mà các Bên đã cam kết tham gia trước đó. Mặt khác, các Bên tích cực trao đổi kinh nghiệm trong việc xác định các lợi ích chia sẻ từ việc tiếp cận nguồn gen nhằm tạo ra thế

cân bằng lợi ích giữa Bên cung cấp và Bên tiếp cận.

Đối với các quy định của CPTPP, các Bên tham gia thống nhất vấn đề nhận thức về tầm quan trọng của người dân. Theo đó, việc duy trì, bảo tồn và khuyến khích phát triển các lối sống sinh hoạt truyền thống có góp phần bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Mặt khác, xây dựng hệ thống pháp luật và chính sách về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH có sự đóng góp ý kiến cũng như xem xét các biện pháp được công chúng đề xuất. Tuy nhiên, trong khuôn khổ hợp tác và phát triển các Bên cam kết trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong các lĩnh vực tương ứng. Ngoài ra, việc tiếp cận nguồn gen được thực thi trên cơ sở có sự đồng ý của Bên cung cấp hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng, bao gồm cả việc chia sẻ lợi ích từ việc tiếp cận.

*Thứ tư, các Bên công nhận sự lây truyền của các loài ngoại lai xâm hại, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và phối hợp quản lý.* Theo đó, sự lây truyền của các loài ngoại lai xâm hại trên cạn và dưới nước qua biên giới thông qua con đường liên quan tới thương mại có thể ảnh hưởng xấu đến môi trường, hoạt động kinh tế, phát triển và sức khỏe con người. Các Bên cũng thừa nhận rằng việc phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và, xoá (nếu được) các loài ngoại lai xâm hại là những chiến lược quan trọng để quản lý các tác động bất lợi. Theo đó, Ủy ban sẽ phối hợp với Ủy ban về các biện pháp vệ sinh dịch tễ được lập theo quy định tại Điều 7.5 (Ủy ban về các biện pháp vệ sinh dịch tễ) để xác định các cơ hội hợp tác nhằm chia sẻ các thông tin và kinh nghiệm quản lý về lây truyền, phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và tiêu diệt các loài ngoại lai xâm hại, nhằm tăng cường nỗ lực để đánh giá và giải quyết các rủi ro và tác động bất lợi của các loài ngoại lai xâm hại.

EVFTA và CPTPP đều khẳng định trách nhiệm của các Bên trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Tuy nhiên, EVFTA, khác với CPTPP, đã xác định các khung pháp lý để các bên hành động là các cam kết quốc tế cụ thể mà các Bên đã là thành viên. Đối với EVFTA, các công việc hợp tác của các Bên liên quan đến vấn đề này được định hình cụ thể hơn thông qua việc

chỉ rõ các cam kết tên. Đặc biệt hơn, EVFTA đã có sự quy định tương đối mở hơn so với CPTPP để các Bên được tiếp cận các nguồn gen phục vụ việc bảo vệ ĐDSH, bằng việc quy định các Bên sẽ nỗ lực tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn gen thay vì đưa ra cơ chế hợp đồng như CPTPP. Mặt khác, CPTPP đã quy định việc bảo tồn động vật hoang dã theo CITES đi kèm với các vấn đề chống buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã tại Điều 20.17 mà không quy định tại Điều 20.13 (Thương mại và ĐDSH). Đồng thời, CPTPP khuyến khích việc bảo vệ, duy trì các kiến thức và tập quán của người bản địa và cộng đồng địa phương về bảo tồn ĐDSH, điều mà EVFTA không đề cập. Ngoài ra, để chứng minh vi phạm về môi trường theo CPTPP, một bên phải cho thấy rằng Bên còn lại đã thất bại trong việc áp dụng, duy trì hoặc thực thi luật pháp, các quy định và biện pháp để thực hiện nghĩa vụ của mình trong khuôn khổ CITES theo phương thức ảnh hưởng đến hoạt động thương mại và đầu tư giữa các Bên. Trong khi EVFTA lại không đề ra một yêu cầu rõ ràng về tiêu chí này [4].

### **3. Thách thức của Việt Nam trong việc đảm bảo thực thi các cam kết về đa dạng sinh học**

Việt Nam đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về chính sách, pháp luật của quốc gia bởi trước khi trở thành thành viên của EVFTA và CPTPP, Việt Nam đã là thành viên của CBD và CITES như đã đề cập, ngoài ra Việt Nam cũng đã rất tích cực tham gia vào các Hội nghị, Nghị quyết quốc tế về môi trường như Hội nghị Liên hiệp quốc về Môi trường và Phát triển được tổ chức tại Rio de Janeiro, Brazil vào tháng 6 năm 1992; Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững được tổ chức tại Johannesburg, Cộng hòa Nam Phi vào tháng 9 năm 2002; Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển bền vững tổ chức tại Rio de Janeiro, Brazil vào tháng 6 năm 2012; Hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc về Phát triển bền vững được tổ chức tại New York, Hoa Kỳ vào tháng 09 năm 2015; Nghị quyết về “Bảo vệ các dải san hô vì cuộc sống và phát triển bền vững”, Nghị quyết

về phát triển bền vững các vùng núi,... Tuy nhiên, chỉ với một số điểm tương đồng sẵn có về mặt chính sách pháp luật trong nước so với các cam kết về ĐDSH trước đó là chưa đủ. Việt Nam cần phải tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát hoàn thiện các chính sách, pháp luật về ĐDSH. Bên cạnh những thách thức do bản thân các yêu cầu cam kết về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP đặt ra thì các yếu tố bất cập nội tại trong nước cũng là một trong những thách thức không nhỏ mà Việt Nam phải đối diện trong quá trình thực thi. Một số yếu tố bất cập nội tại có thể kể đến như:

*Một là*, các quy định pháp luật về ĐDSH của Việt Nam được quy định ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý khác nhau, mỗi văn bản đề cập đến một hoặc vài khía cạnh của ĐDSH. Điều này đã làm hạn chế tính hiệu lực và hiệu quả của việc áp dụng pháp luật trên thực tế. Bên cạnh đó, một số nội dung quan trọng của ĐDSH vẫn chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc chỉ được quy định tại các văn bản dưới luật như bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái đất ngập nước, các hệ sinh thái tự nhiên trên vùng núi đá vôi, gò, đồi thuộc vùng đất chưa sử dụng; tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích; quản lý an toàn sinh vật biến đổi gen; kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại môi trường;... dẫn đến hệ thống pháp luật về ĐDSH chưa thể hoàn thiện một cách đầy đủ.

Thực tế, dù khung pháp lý về ĐDSH đã được xây dựng nhưng việc thực thi pháp luật về ĐDSH lại gặp nhiều khó khăn do có sự chia tách rời rạc trong hướng dẫn thực thi giữa các văn bản pháp luật có liên quan khi quy định cùng vấn đề về bảo tồn ĐDSH. Hơn nữa, mặc dù Luật ĐDSH đã có những quy định mang tính nguyên tắc, bao trùm và khái quát về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học nhưng do hiện nay việc điều chỉnh vấn đề bảo tồn ĐDSH không chỉ giới hạn trong phạm vi của Luật này mà nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau nên đã tạo ra sự phân tán, chông chéo giữa các văn bản pháp luật, dẫn đến tính hiệu quả trong việc áp dụng.

Đơn cử như sự chông chéo về thẩm quyền giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Nghị định 64/2019/NĐ-CP (căn cứ vào Luật ĐDSH năm 2008) và Nghị định 06/2019/NĐ-CP

(căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017) trong hoạt động điều tra, đánh giá loài nguy cấp quý hiếm, quản lý khai thác, nuôi trồng loài hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Hoặc sự chông chéo về chức năng và quản lý về ĐDSH giữa các cơ quan có liên quan như Bộ Tài nguyên và Môi trường được Chính phủ giao là đầu mối quản lý nhà nước về ĐDSH, song Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lại quản lý rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý khu bảo tồn đất ngập nước. Chính sự chông chéo về phân quyền, trách nhiệm quản lý giữa hai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường đã tác động không nhỏ đến quá trình thực thi hiệu quả công tác quản lý bảo tồn ĐDSH.

Các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực ĐDSH cũng còn chông chéo, chưa phù hợp dẫn đến khó khăn trong xử lý vi phạm. Chẳng hạn, Điều 244 Bộ luật Hình sự quy định lực lượng kiểm lâm có thẩm quyền xử lý vi phạm hình sự đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm. Tuy nhiên, Điều 234 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự không quy định thẩm quyền của cơ quan kiểm lâm trong khởi tố vụ án hình sự khi vi phạm tội về bảo vệ động vật hoang dã; trong khi đó, lực lượng kiểm lâm lại có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Vì thế, khi vi phạm đến mức xử lý hình sự thì cơ quan kiểm lâm phải chuyển sang các cơ quan khác để xử lý hình sự, dẫn tới mất nhiều thời gian và có thể bỏ lọt tội phạm, hư hỏng vật chứng,... Hơn nữa, chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm các quy định về bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái và ĐDSH còn nhiều bất cập, chưa đủ răn đe, ngăn cản sự xâm hại, gây tổn thương cho hệ sinh thái dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật về bảo tồn ĐDSH còn phổ biến và xảy ra thường xuyên,...

*Hai là*, cơ chế chính sách hỗ trợ thực thi cam kết ĐDSH còn hạn chế. Mặc dù, nước ta đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ để khuyến khích công tác bảo tồn ĐDSH tuy nhiên vấn đề này vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Cụ thể như, nguồn tài chính để phục vụ cho việc bảo tồn ĐDSH còn khá hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu quản lý nhà nước về ĐDSH theo tiêu chuẩn cam kết EVFTA và CPTPP. Ngân



sách dùng cho bảo tồn ĐDSH còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng ngân sách dành cho nhiệm vụ môi trường trong khi việc phân bổ kinh phí cho công tác bảo tồn ĐDSH còn dàn trải, thiếu trọng tâm [5]. Mặc dù Luật ĐDSH dành một chương riêng (Chương VII) quy định về cơ chế, nguồn lực bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH, tuy nhiên còn thiếu các văn bản hướng dẫn thi hành. Hiện tại, kinh phí cho bảo tồn ĐDSH được lấy chủ yếu từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (khoảng 1% ngân sách nhà nước). Trên thực tế, nguồn lực tài chính đầu tư cho ĐDSH rất hạn hẹp nên không đủ để triển khai các hoạt động bảo tồn ĐDSH như điều tra cơ bản về ĐDSH, xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐDSH; quan trắc, thống kê ĐDSH; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; xây dựng, nâng cấp, cải tạo khu bảo tồn,... [6] Việc thiếu kinh phí hoạt động còn làm cho việc tuyển dụng, sử dụng nhân lực phục vụ cho hoạt động bảo tồn ĐDSH cũng gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh khó khăn về tài chính, sự thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cũng là một rào cản rất lớn cho công tác bảo tồn ĐDSH. Mặc dù hệ thống tổ chức quản lý về ĐDSH được tăng cường nhưng nhân lực làm công tác bảo tồn còn thiếu hụt, đặc biệt ở các địa phương. Thực tế, do thiếu biên chế nên nhiều Chi cục Bảo vệ môi trường địa phương chưa thành lập Phòng bảo tồn ĐDSH hoặc nếu có cũng chỉ bố trí 01 nhân sự để theo dõi; công tác bảo tồn ĐDSH được giao luôn cho Chi cục Kiểm lâm vốn đã ít người, nhiệm vụ bảo vệ rừng đã nặng nề lại không có được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ bảo tồn. Một số khu bảo tồn đã bước đầu hình thành các đơn vị chức năng như Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Bảo tồn biển, đất ngập nước, Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường rừng; Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật tuy nhiên do thiếu nguồn lực nên các đơn vị này chưa đi vào hoạt động [6]. Ngoài ra, các trang thiết bị phục vụ cho việc theo dõi, giám sát công tác quản lý bảo tồn ĐDSH chưa được chú trọng đầu tư và còn thiếu rất nhiều. Với những hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng các khu bảo tồn ĐDSH trên

thực tế, đơn cử như việc thành lập các khu bảo tồn biển (Marine Protected Area - MPA). Thực tế, tính đến thời điểm tháng 4 năm 2023, Việt Nam đã thành lập được gồm 16 khu bảo tồn biển và các vườn quốc gia có hợp phần bảo tồn biển tại Việt Nam gồm: Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Côn Cỏ, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Vịnh Nha Trang, Núi Chúa, Hòn Cau, Côn Đảo, Phú Quốc, Hòn Mê, Hải Vân-Sơn Trà, Phú Quý, Nam Yết, Cô Tô, Đảo Trần. Hệ thống các khu bảo tồn biển này chiếm diện tích khoảng 0,24% diện tích vùng biển Việt Nam, sở hữu gần 70.000ha rạn san hô, 20.000ha thảm cỏ biển và một phần rừng ngập mặn; phần lớn các bãi giống, bãi đẻ và nơi cư trú của các loài thủy sản kinh tế; gần 100 loài đặc hữu và nguy cấp [7],... Tuy nhiên, với số lượng khu bảo tồn biển được thành lập cho đến hiện nay là chưa thật sự đáp ứng được chỉ tiêu đã đặt ra. theo chương trình Nghị sự 2030 về phát triển bền vững, Việt Nam đặt mục tiêu tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển so với diện tích tự nhiên phải đạt 2-3% vào năm 2025 và đạt 3-4% vào năm 2030 nhưng cho đến thời điểm hiện nay thì tỷ lệ này hiện mới đạt 0,185% [8]. Bên cạnh đó, hiện nay các khu bảo tồn biển đã được thành lập cũng đang bộc lộ khá nhiều vấn đề bất cập như chưa đến 10% số khu vực ven biển được bảo vệ hiệu quả, việc bảo tồn các khu vực biển có nơi vẫn chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức; nhiều khu bảo tồn mới chỉ quan tâm đến bảo vệ rừng trên các đảo mà chưa chú trọng bảo vệ tài nguyên và môi trường biển; thậm chí một số vùng biển còn bị xâm hại đến mức báo động [7],...

Ba là, vấn đề tuân thủ thực thi pháp luật về ĐDSH của các chủ thể trong nước chưa thật sự đảm bảo, nhiều chủ thể chưa ý thức đến vấn đề bảo tồn ĐDSH hoặc thậm chí cố tình vi phạm. Vì nhiều lý do chủ quan và khách quan khác nhau nên nhiều chủ thể sẵn sàng hủy hoại sự ĐDSH để phục vụ cho các mục tiêu của mình. Thời gian qua, hoạt động khai thác trái phép rừng và các hệ thực vật để bán lấy tiền, dựng nhà, làm vật dụng, chuồng trại chăn nuôi hoặc coi đây là nguồn thu nhập chính vẫn còn khá phổ biến. Việc mở rộng diện tích đất nông nghiệp cũng thường xuyên xảy ra, điều này đã làm co hẹp diện tích phân bố tự nhiên và đe dọa trực tiếp đến sự tồn

tại của các loài động, thực vật bản địa và các loài quý hiếm khác [9]. Cùng với đó, việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón độc hại cũng gây ảnh hưởng thậm chí là hủy diệt các hệ sinh thái tự nhiên [10]. Tình trạng khai thác, săn bắn, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã ngày càng diễn biến phức tạp với các thủ đoạn vô cùng tinh vi [11]. Trong nhân dân, còn khá phổ biến tư tưởng muốn sử dụng các sản phẩm từ động, thực vật hoang dã làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ trang sức, thời trang, mỹ nghệ, quà biếu, tặng [12]. Chính những nhu cầu này đã làm cho số loài và số lượng cá thể của các loài hoang dã bị suy giảm mạnh, nhiều loài bị đe dọa tuyệt chủng ở mức cao, các nguồn gen hoang dã cũng đang trên đà suy thoái nhanh và thất thoát nhiều,... Tất cả những vấn đề này cũng là một trong những thách thức mà Việt Nam phải đối diện và cần phải giải quyết triệt để khi thực thi các cam kết về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP.

*Bốn là*, Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững ĐDSH, bảo vệ, duy trì các hệ sinh thái và các dịch vụ hệ sinh thái, công nhận tầm quan trọng của việc tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích phát sinh từ việc sử dụng các nguồn gen theo tiêu chuẩn quốc tế theo như thỏa thuận được ghi nhận tại EVFTA và CPTPP. Mặc dù, Việt Nam là thành viên của CBD cũng như đã xây dựng và ban hành được nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong đó có Luật ĐDSH với đầy đủ các nội dung cần thiết, đáp ứng được các yêu cầu theo CBD, trong đó có các yêu cầu về tri thức truyền thống của cộng đồng, giấy phép tiếp cận nguồn gen, sự tham gia của công chúng, công bố thông tin và hợp tác quốc tế [13]. Tuy nhiên, so với các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia phát triển thì vấn đề cam kết bảo tồn ĐDSH và sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên sinh học, đặc biệt là vấn đề về nhận thức trong việc chia sẻ lợi ích từ việc tiếp cận và sử dụng nguồn gen là một trong những vấn đề Việt Nam còn thiếu nhiều kinh nghiệm. Đây cũng là một trong những thách thức không hề nhỏ mà Việt Nam phải đối diện khi thực hiện các cam kết về ĐDSH trong hiệp định EVFTA và CPTPP.

Từ các nội dung phân tích nêu trên có thể thấy rằng hiện nay vấn đề tuân thủ và thực thi các cam kết môi trường về ĐDSH theo EVFTA và CPTPP là điều không hề đơn giản và gặp rất nhiều thách thức. Thách thức này xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, đó vừa là thách thức trong chính sách, quy định pháp luật hiện hành về ĐDSH, vừa là thách thức trong thực tiễn tuân thủ, thực thi pháp luật như đã phân tích. Tất cả những điều này sẽ là rào cản rất lớn cho Việt Nam trong việc thực thi hiệu quả các cam kết về ĐDSH được ghi nhận tại hiệp định EVFTA và CPTPP. Vì vậy, cần phải có những giải pháp cần thiết để tiếp tục hoàn thiện cả về chính sách, pháp luật lẫn tuân thủ thực thi pháp luật.

#### 4. Một số kiến nghị hoàn thiện

Từ những vấn đề thách thức như đã phân tích, để việc tuân thủ thực thi các cam kết môi trường về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP đạt được tính hiệu quả thì đòi hỏi cần phải tiếp tục nghiên cứu, xem xét thực hiện các giải pháp sau:

*Một là, đẩy mạnh nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về ĐDSH trong nước trên cơ sở đảm bảo sự tương thích cũng như đáp ứng được các yêu cầu cam kết môi trường về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP.* Theo đó, để có thể thực thi tốt các cam kết môi trường về ĐDSH theo EVFTA và CPTPP, đòi hỏi cần phải ưu tiên củng cố hệ thống chính sách và pháp luật về ĐDSH gồm rà soát đồng bộ, chỉnh sửa, bổ sung Luật ĐDSH; tiếp tục hoàn thiện, thống nhất các văn bản dưới luật hướng dẫn về ĐDSH. Cụ thể, Luật ĐDSH cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung theo hướng khắc phục tình trạng hạn chế, mâu thuẫn, chồng chéo giữa các Luật trong việc điều chỉnh về vấn đề ĐDSH, cũng như tiếp tục quy định điều chỉnh bổ sung những vấn đề còn thiếu hoặc chưa được quy định cụ thể trong việc bảo tồn ĐDSH, sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên sinh học, đặc biệt là vấn đề về nhận thức của các bên trong việc chia sẻ lợi ích từ việc tiếp cận và sử dụng nguồn gen theo như tinh thần đã cam kết trong EVFTA và CPTPP. Các quy định

về thẩm quyền quản lý, chế tài xử phạt liên quan đến ĐDSH cũng cần được điều chỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất và đảm bảo đủ sức răn đe để phục vụ hiệu quả cho việc bảo tồn ĐDSH theo chuẩn cam kết quốc tế,... Khi các vấn đề trên được đảm bảo sẽ là điều kiện cần thiết để Việt Nam có thể thực thi có hiệu quả các cam kết về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP.

*Hai là, tiếp tục tăng cường nội luật hóa các cam kết của CPTPP và EVFTA vào hệ thống pháp luật ĐDSH Việt Nam.* Việc nội luật hóa kịp thời các cam kết này vào các văn bản pháp luật trong nước là rất quan trọng, cần thiết bởi điều này sẽ giúp các chủ thể trong nước dễ dàng tiếp cận, áp dụng, tuân thủ thực thi các cam kết về ĐDSH trở nên hiệu quả hơn. Theo đó, các cam kết cần phải nhanh chóng được nội luật hóa như quyền tiếp cận nguồn gen thuộc chủ quyền quốc gia; trách nhiệm tạo điều kiện cho việc sử dụng bền vững và bảo tồn ĐDSH phù hợp với pháp luật trong nước; chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; ngăn chặn sự biến mất và giảm áp lực về ĐDSH trong bối cảnh thương mại;... được ghi nhận trong hiệp định EVFTA hoặc khẳng định tầm quan trọng của công chúng đối với việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH nhất là người bản địa và cộng đồng địa phương cũng như lối sống truyền thống góp phần bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH; hỗ trợ tiếp cận nguồn gen trong các khu vực thuộc quyền tài phán của quốc gia; công nhận sự lây truyền của các loài ngoại lai xâm hại, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và phối hợp quản lý các loài ngoại lai xâm hại,... được ghi nhận trong hiệp định CPTPP. Việc nhanh chóng nội luật hóa cụ thể các cam kết nêu trên vào hệ thống pháp luật ĐDSH Việt Nam sẽ không chỉ hỗ trợ hiệu quả cho việc thực thi các cam kết về ĐDSH trong hiệp định EVFTA và CPTPP mà còn giúp hệ thống pháp luật ĐDSH Việt Nam được hoàn thiện hơn trên cơ sở tương thích với các cam kết quốc tế về ĐDSH mà Việt Nam là thành viên.

*Ba là, tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các nội dung chi tiết về cam kết ĐDSH trong EVFTA và CPTPP đến các chủ thể.* Việc nâng cao nhận thức và hiểu biết của các chủ thể trong xã hội về các cam kết ĐDSH trong EVFTA

và CPTPP là rất quan trọng và cấp thiết bởi điều này sẽ giúp người dân, doanh nghiệp và các chủ thể quản lý có điều kiện tiếp cận và hiểu rõ hơn về nội dung, tính chất cũng như các yêu cầu cụ thể đặt ra trong các cam kết môi trường về ĐDSH khi tham gia vào quá trình thương mại hóa quốc tế. Đặc biệt, điều này sẽ giúp các chủ thể có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề bảo tồn ĐDSH ở Việt Nam trên cơ sở tương thích với các yêu cầu cam kết trong CPTPP, EVFTA về vấn đề bảo tồn ĐDSH, sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên sinh học, chia sẻ lợi ích từ việc tiếp cận và sử dụng nguồn gen... Từ đó giúp tạo được sự thống nhất trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về việc tuân thủ, thực thi các cam kết môi trường về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP.

*Bốn là, tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực tuân thủ thực thi pháp luật về bảo tồn ĐDSH theo chuẩn cam kết EVFTA và CPTPP.* Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cần phải chỉ đạo quyết liệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo tồn ĐDSH trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật trong nước và các nội dung cam kết môi trường về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP. Các lực lượng liên ngành như kiểm lâm, công an, quân đội, ban quản lý các khu bảo tồn,... phải duy trì hoạt động, thực hiện quy chế, phương án phối hợp chặt chẽ, tổ chức thường trực tại hiện trường, thường xuyên phối hợp chính quyền cơ sở tăng cường kiểm tra, truy quét để phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi đe dọa hoặc xâm phạm đến ĐDSH. Xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm, các cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm trong vấn đề bảo tồn ĐDSH theo chuẩn cam kết về bảo tồn ĐDSH trong EVFTA và CPTPP, công khai các thông tin về các vụ vi phạm. Đẩy mạnh tăng cường giám sát quá trình thực thi cam kết về ĐDSH, bao gồm cả việc giám sát của cộng đồng. Việc giám sát cần thực hiện thường xuyên với phương pháp đơn giản, hài hòa giữa yếu tố khoa học và thực tiễn năng lực triển khai của các chủ thể có liên quan. Các địa phương, cơ sở bảo tồn cần được nâng cao năng lực tại chỗ để thực hiện giám sát việc thực thi các cam kết về ĐDSH cho phù

hợp và hiệu quả, đặc biệt phải đẩy mạnh vai trò và trách nhiệm quản lý ở địa phương.

*Năm là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ công tác bảo tồn ĐDSH và thực thi cam kết ĐDSH theo EVFTA và CPTPP.* Theo đó, để phục vụ hiệu quả cho việc thực thi các cam kết môi trường về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP, Nhà nước cần phải xây dựng quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia theo hướng phát triển bền vững trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu cam kết về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP. Điều này là rất cần thiết bởi quy hoạch này sẽ giúp định hướng việc sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật tại các khu vực ĐDSH cao, cảnh quan sinh thái quan trọng; tăng cường hợp tác hiệu quả giữa các ngành trong việc sử dụng tài nguyên sinh vật; đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan vào công tác bảo tồn ĐDSH; hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về ĐDSH theo chuẩn cam kết về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP. Bên cạnh đó, cần phải chú trọng đào tạo nguồn nhân lực để bảo đảm tận dụng và phát huy các cơ hội, lợi ích mà EVFTA và CPTPP đem lại trong quá trình thực hiện các cam kết môi trường về ĐDSH theo EVFTA và CPTPP cũng như phải huy động được sự tham gia tích cực của cộng đồng đối với công tác bảo tồn ĐDSH nhất là huy động sự đầu tư của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế cho công tác bảo tồn ĐDSH để việc bảo tồn ĐDSH theo chuẩn cam kết EVFTA và CPTPP trở nên hiệu quả hơn. Đặc biệt, cần phải xác định rõ nguồn ngân sách phục vụ cho công tác bảo tồn ĐDSH là dòng ngân sách riêng, độc lập được lấy từ ngân sách nhà nước mà không phụ thuộc vào dòng chi chung cho môi trường. Bên cạnh đó, cũng cần kết hợp với việc đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, đặc biệt, thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để triển khai các cơ chế tài chính mới như REDD+, buôn bán tín chỉ các bon, chi trả dịch vụ môi trường/hệ sinh thái tạo ra nguồn tài chính có thể sử dụng để phục vụ cho việc bảo tồn ĐDSH,... Khi nguồn lực tài chính được đảm bảo thì vấn đề đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư các trang thiết bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng để phục vụ cho công tác bảo tồn ĐDSH theo chuẩn

cam kết EVFTA và CPTPP cũng sẽ được bảo đảm. Ngoài ra, cần phải xây dựng được cơ sở dữ liệu ĐDSH theo hướng đầu tư lâu dài để cung cấp thông tin cho công tác quản lý. Cần có phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu thống nhất, dễ sử dụng, đáp ứng mục tiêu quản lý, liên kết với dữ liệu quốc gia và quốc tế để phục vụ hiệu quả cho công tác theo dõi, đánh giá, kiểm soát và bảo tồn ĐDSH.

*Sáu là, tăng cường hợp tác quốc tế trong vấn đề tuân thủ thi các cam kết quốc tế về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP.* Theo đó, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trong các hệ sinh thái tự nhiên và nông nghiệp, bao gồm các loài có nguy cơ tuyệt chủng và môi trường sống của chúng. Đặc biệt là các khu ĐDSH tự nhiên đang được bảo vệ; việc phục hồi các hệ sinh thái; việc loại bỏ hoặc giảm thiểu các tác động môi trường tiêu cực từ việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc phi sinh vật, bao gồm các hệ sinh thái. Cùng với đó là việc tiếp cận, chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc tiếp cận sử dụng các nguồn gen. Cũng như hợp tác nhằm chia sẻ các thông tin và kinh nghiệm quản lý về lây truyền, phòng ngừa, phát hiện, kiểm soát và tiêu diệt các loài ngoại lai xâm hại, nhằm tăng cường nỗ lực để đánh giá và giải quyết các rủi ro và tác động bất lợi của các loài ngoại lai xâm hại. Ngoài ra, để thực thi hiệu quả các cam kết ĐDSH trong EVFTA và CPTPP, Việt Nam còn cần phải tăng cường hợp tác trao đổi thông tin với các quốc gia thành viên nhằm mục đích ngăn chặn sự suy giảm ĐDSH khi tham gia vào hoạt động thương mại hàng hóa, thống nhất các biện pháp theo dõi, giám sát quá trình thực hiện nhằm tránh việc buôn bán các loài động vật hoang dã trái phép, hỗ trợ lẫn nhau để tối ưu hóa các tác động nhằm giảm các áp lực đối với ĐDSH. Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong vấn đề tuân thủ thi các cam kết quốc tế về ĐDSH trong EVFTA và CPTPP là rất cần thiết bởi điều này sẽ giúp Việt Nam tự tin hơn trong việc tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong cam kết môi trường về ĐDSH khi hội nhập thương mại quốc tế.

## 5. Kết luận

EVFTA và CPTPP đều có quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trong tình hình khuyến khích thương mại hóa. Ngoài việc thừa nhận lại các quy định trong các công ước mà các Bên đã tham gia trước đó thì EVFTA và CPTPP được đánh giá là bước tiến quan trọng trong việc khuyến khích thương mại gắn liền với bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Việc tham gia hiệp định EVFTA và CPTPP vừa giúp Việt Nam có điều kiện nâng cao nội lực bảo tồn ĐDSH trong bối cảnh tình hình chính trị an ninh thế giới và khu vực đang thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, khó lường; vừa giúp củng cố vị thế để thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa đi đôi với củng cố, tăng cường sự đan xem lợi ích, làm sâu sắc mối quan hệ giữa ta và các nước thành viên EVFTA và CPTPP, đặc biệt là các nước thành viên có quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam. Đi kèm với những lợi ích đạt được thì việc tham gia EVFTA và CPTPP cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức. Để có thể vượt qua được những thách thức này đòi hỏi chúng ta cần phải chủ động, nỗ lực đổi mới, tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật, thiết lập các cơ chế quản lý để vừa phù hợp với các điều ước quốc tế nhưng cũng bảo đảm vững chắc sự ổn định về chính trị - xã hội của đất nước.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nội, 2013, tr. 10.
- [2] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nội, 2013, tr. 49.
- [3] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo số 37/BC-BTNMT ngày 05 tháng 4 năm 2020 về tổng kết 5 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Hà Nội, 2020, tr. 9 -10.
- [4] T.V. Dũng, Các quy định về môi trường trong EVFTA và CPTPP - Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật môi trường, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2020, tr. 62 - 63.
- [5] M. Nguyệt, Ngăn chặn đà suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam (bài 2), <https://dantocmiennui.vn/ngan-chan-da-suy-giam-da-dang-sinh-hoc-o-viet-nam-bai-2/288821.html>, 2020 (accessed on: May 5<sup>th</sup>, 2023).
- [6] T. N. Hoa, Một số vấn đề tồn tại trong thực thi luật đa dạng sinh học, <http://moitruongviet.edu.vn/mot-so-van-de-ton-tai-trong-thuc-thi-luat-da-dang-sinh-hoc/>, 2015 (accessed on: May 5<sup>th</sup>, 2023).
- [7] T. Thời, Quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển, <https://nhandan.vn/quan-ly-hieu-qua-cac-khu-bao-ton-bien-post747477.html> (accessed on: August 10<sup>th</sup>, 2023).
- [8] L. Anh, Thách thức nâng diện tích khu bảo tồn biển, <https://monre.gov.vn/Pages/thach-thuc-nang-dien-tich-khu-bao-ton-bien.aspx>, 2021 (accessed on: August 10<sup>th</sup>, 2023).
- [9] N. T. Dũng, Nguyên nhân suy giảm và giải pháp bảo vệ đa dạng sinh học Vườn quốc gia Yok Đôn, <http://www.kiemlam.org.vn/PortletBlank.aspx/89E2ECE261054E6DA2D06A694DE50016/View/>.
- [10] H. Q. Trung, Thuốc bảo vệ thực vật - ảnh hưởng sức khỏe con người và môi trường; nguyên tắc sử dụng an toàn, tại: <https://sokhcn.camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=trangchitiet&urilc=wcm%3Apath%3A/sokhvcnlibrary/siteofkhohocvacongnghe/tintucsukien/hoadongcuaso/thuocbvthucvatanhhuongsuckhoe>, 2020 (accessed on: May 5<sup>th</sup>, 2023).
- [11] L. T. Hương, Săn bắt, buôn bán động vật hoang dã - Bài 1: Tác động xấu đến đa dạng sinh học, <https://baotintuc.vn/van-de-quan-tam/san-bat-buon-ban-dong-vat-hoang-da-bai-1-tac-dong-xau-den-da-dang-sinh-hoc-20190530064653198.htm>, 2019 (accessed on: May 05<sup>th</sup>, 2023).
- [12] S. Tùng, Tăng cường bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm, <https://hanoimoi.com.vn/ban-in/Xahoi/908758/tang-cuong-bao-ve-cac-loai-nguy-cap-quy-hiem>, (accessed on: May 5<sup>th</sup>, 2023).
- [13] N. V. Hưng, Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về môi trường nhằm thực hiện cam kết trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, Tạp chí môi trường, số 11, 2016, tr. 20.